

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **50** /2018/QĐ-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày **14** tháng 9 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành quy định phạm vi vùng phụ cận công trình thủy lợi khác
trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế**

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ T.T.HUẾ	
ĐẾN	Số: 983
	Ngày: 18/9
	Chuyên: Căn cứ Luật

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ
Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ khoản 7, Điều 40, Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017;
Căn cứ Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;
Căn cứ Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chi tiết một số điều của Luật thủy lợi;
Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 1386/TTr-SNNPTNT ngày 12 tháng 9 năm 2018.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định phạm vi vùng phụ cận công trình thủy lợi khác trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

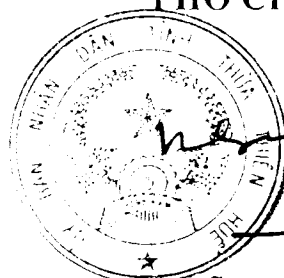
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày **25** tháng 9 năm 2018.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố Huế và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ NN&PTNT;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- TV Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- UBND TTQVN tỉnh;
- Viện Kiểm sát Nhân dân tỉnh;
- Tòa án Nhân dân tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố Huế;
- Công báo tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VP: LĐ và các CV;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, NN.

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Phương

QUY ĐỊNH

Phạm vi vùng phụ cận công trình thủy lợi khác trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế

(Ban hành kèm theo Quyết định số **50** /2018/QĐ-UBND
ngày **14** tháng 9 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định phạm vi vùng phụ cận đối với các công trình thủy lợi khác trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế bao gồm hệ thống dẫn, chuyển nước; trạm bơm; bờ bao thủy lợi; cống qua bờ bao thủy lợi, qua các mương, rạch; các công trình phục vụ quản lý, khai thác thủy lợi được xây dựng ngoài phạm vi vùng phụ cận của công trình thủy lợi.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có các hoạt động liên quan đến công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

Chương II QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Phạm vi vùng phụ cận đối với các công trình thủy lợi khác trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế được quy định như sau:

1. Phạm vi vùng phụ cận của hệ thống dẫn, chuyển nước:

a) Kênh có lưu lượng từ $01\text{m}^3/\text{s}$ đến $02\text{m}^3/\text{s}$, phạm vi vùng phụ cận được tính từ mép ngoài mái kênh trở ra từ 1,5m đến 02m đối với kênh đất, từ 01m đến 1,5m đối với kênh kiên cố;

b) Kênh có lưu lượng từ $0,5\text{m}^3/\text{s}$ đến $01\text{m}^3/\text{s}$, phạm vi vùng phụ cận được tính từ mép ngoài mái kênh trở ra từ 01m đến 1,5m đối với kênh đất, từ 0,5m đến 01m đối với kênh kiên cố;

c) Kênh có lưu lượng nhỏ hơn $0,5\text{m}^3/\text{s}$, phạm vi vùng phụ cận được tính từ mép ngoài mái kênh trở ra từ 0,5m đến 01m đối với kênh đất, 0,5m đối với kênh kiên cố;

d) Phạm vi vùng phụ cận của các công trình trên kênh bao gồm cống, xi phông, cầu máng, cửa lấy nước và công trình trên kênh khác, phạm vi vùng phụ cận tính từ phần xây dựng ngoài cùng trở ra mỗi phía tối thiểu 02m;

đ) Phạm vi vùng phụ cận của đường ống dẫn nước được tính từ thành ngoài của ống ra mỗi bên 01m.

2. Phạm vi vùng phụ cận của trạm bơm:

a) Đối với phần công trình trạm bơm trên cạn, phạm vi vùng phụ cận được tính từ phần xây dựng ngoài cùng của công trình trở ra mỗi phía tối thiểu 10m. Trường hợp công trình có hàng rào thì phạm vi vùng phụ cận được tính từ chân hàng rào trở ra tối thiểu 03m.

b) Đối với phần công trình trạm bơm dưới nước, phạm vi vùng phụ cận được tính từ phần xây dựng ngoài cùng của công trình trở ra mỗi phía tối thiểu 30m.

3. Phạm vi vùng phụ cận của bờ bao thủy lợi:

a) Phạm vi vùng phụ cận của bờ bao thủy lợi được tính từ chân mái trở ra mỗi phía tối thiểu 05m;

b) Đối với bờ bao thủy lợi kết hợp tuyến đê, phạm vi vùng phụ cận áp dụng theo quy định về hành lang bảo vệ đê điều.

4. Phạm vi vùng phụ cận của cống qua bờ bao thủy lợi, qua các mương, rạch được tính từ phần xây dựng ngoài cùng trở ra mỗi phía 20m. Trường hợp cống qua bờ bao thủy lợi kết hợp tuyến đê thì phạm vi vùng phụ cận áp dụng theo quy định về hành lang bảo vệ cống qua đê.

5. Các công trình phục vụ quản lý, khai thác thủy lợi được xây dựng ngoài phạm vi vùng phụ cận của công trình thủy lợi quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều này và Điều 40 của Luật Thủy lợi, phạm vi vùng phụ cận được quy định như sau:

a) Đối với nhà quản lý, nhà kho, xưởng sửa chữa, phạm vi vùng phụ cận được tính từ phần xây dựng ngoài cùng của công trình trở ra mỗi phía tối thiểu 10m;

b) Đối với đường quản lý, phạm vi vùng phụ cận được tính từ mép ngoài mái taluy trở ra mỗi phía tối thiểu 05m;

c) Công trình phục vụ quản lý, khai thác thủy lợi khác, phạm vi vùng phụ cận được tính từ phần xây dựng ngoài cùng của công trình trở ra mỗi phía tối thiểu 02m.

6. Công trình thủy lợi có vùng phụ cận chồng lên một phần với hành lang bảo vệ các công trình hạ tầng kỹ thuật khác thì phân định ranh giới phạm vi vùng phụ cận tuân theo các quy định của pháp luật về thủy lợi và các lĩnh vực khác có liên quan và theo nguyên tắc đảm bảo an toàn công trình thủy lợi và an toàn công trình hạ tầng kỹ thuật khác.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 4. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân

1. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan thực hiện Quy định này.

2. Các sở, ban, ngành cấp tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ được giao tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện các nhiệm vụ theo quy định tại khoản 1, Điều 57 của Luật Thủy lợi và các quy định pháp luật khác có liên quan.

3. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và thành phố Huế triển khai thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại khoản 2, Điều 57 của Luật Thủy lợi và các quy định pháp luật khác có liên quan.

4. Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn triển khai thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại khoản 3, Điều 57 của Luật Thủy lợi và các quy định pháp luật khác có liên quan.

5. Các tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến thủy lợi căn cứ quyền và trách nhiệm của mình được quy định tại Điều 53, Điều 54, Điều 55 của Luật Thủy lợi và Quy định này để triển khai thực hiện.

Điều 5. Điều khoản thi hành

Trong quá trình thực hiện nếu có phát sinh vướng mắc, các sở, ban, ngành, địa phương, các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Phương